

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 163/TTr-SNN ngày 02/7/2019 về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Website tỉnh, Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VP1, VP11.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày     /     /2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
**I. Thủ tục hành chính ban hành mới**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>						
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	UBND tỉnh	Chưa có văn bản quy định.	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc;	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	UBND tỉnh	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

		- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.				
3	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	UBND tỉnh	Chưa có văn bản quy định.	
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017;
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

7	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	45 ngày đối với trường hợp cấp mới; 15 ngày đối với trường hợp cấp lại (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.</li> </ul>
8	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	
9	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	
10	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với xác nhận nguồn gốc); 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với xác nhận mẫu vật).	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	

11	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	<p>19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt số tiền hỗ trợ cho chủ tàu; Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt số tiền hỗ trợ cho chủ tàu và gửi kết quả đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện nơi chủ tàu được hỗ trợ, niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan;</p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước;</p> <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thông báo công khai lịch cấp tiền cho chủ tàu; chủ tàu phải xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân để đối chiếu khi nhận tiền.</p>	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chưa có văn bản quy định.	<p>- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ.</p>
12	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy	- Luật Thủy sản năm 2017;

	lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực		Thủy sản		định.	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.
13	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chưa có văn bản quy định.	
14	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính.
15	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đ/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

					kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đ/cơ sở.	
16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Không	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
17	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	- Thẩm định đánh giá định kỳ ĐKATTP: 350.000đ/cơ sở) đối với trường hợp đúng hạn) - Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất NLTS: Cơ quan địa phương kiểm tra thực hiện là	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

					: 700.000đ/cơ sở (đối với trường hợp quá hạn)	
18	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất tại cơ sở NTTS, làm việc trên tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá.	Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2014/ TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	30.000 đồng/lần/người.	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
19	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
20	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	20 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	5% giá thiết kế theo quy định tại Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
21	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ,	BQL Cảng cá Nam Định	BQL Cảng cá Nam Định thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	- Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018.



22	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
23	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	- 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.	Tại thực địa hoặc Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Theo từng hạng mục quy định tại Thông tư số 230/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 230/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017;
25	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
26	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Chưa có văn bản quy định.	
27	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan	Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

		liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày				
<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>						
28	Thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản.	10 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Chi cục kiểm lâm		Không	- Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
<b>Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV</b>						
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và BVTV		Phí, lệ phí: 800.000đ	
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và BVTV	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Phí, lệ phí: 800.000đ	- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

## II. Thủ tục hành chính bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>		
1	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Nông nghiệp và PTNT.
2	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	
3	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	
4	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	
5	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm. (áp dụng cho cả cơ sở nuôi trồng thủy sản và tàu cá khai thác thủy sản)	- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Nông nghiệp và PTNT.
8	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP	
9	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	- Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Nông nghiệp và PTNT.
10	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	
11	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp.	

12	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	- Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	
14	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu.	
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu	
16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán	
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	
20	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	
21	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.	
22	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền).	-Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
23	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá nhập khẩu	- Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời ( đối với tàu cá đăng kiểm không cùng cơ quan đăng ký )	
25	Cấp đổi lại giấy phép khai thác thủy sản	- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
26	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc thủy sản nuôi	- Không có trong danh mục Quyết định 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.

<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>		
27	Thủ tục đóng dấu búa Kiểm lâm	- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
28	Thủ tục cấp phép vận chuyển gấu.	
29	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với thực vật rừng (trừ gỗ), động vật rừng nguy cấp quý hiếm và sản phẩm của chúng trong trường hợp vận chuyển ra ngoài tỉnh.	- Không có trong danh mục Quyết định 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.
30	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với thực vật rừng (trừ gỗ), động vật rừng đã tịch thu sung quỹ nhà nước.	
31	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	- Không có trong danh mục Quyết định 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.
32	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	
33	Thủ tục đăng ký bổ sung loài động vật rừng vì mục đích thương mại.	
34	Thủ tục xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn tỉnh; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng.	- Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

### I. Thủ tục hành chính ban hành mới:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định.	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.
3	Công bố mở cảng cá loại 3	a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định.	

## II. Thủ tục hành chính bãi bỏ

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận đăng ký tàu cá	- Quyết định 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ NN&PTNT.

### **C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
1	Thủ tục hỗ trợ sản xuất cây vụ Đông (cây đậu tương, cây bí) từ năm 2012-2015	- Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Nam Định về việc Ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất cây vụ Đông trên đất 2 lúa từ năm 2012 đến 2015 đã hết hiệu lực.
2	Cơ chế hỗ trợ mua máy gặt đập liên hợp để cơ giới hóa thu hoạch lúa từ năm 2011-2012 trên địa bàn tỉnh Nam Định	- Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh Nam Định đã hết hiệu lực.
3	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.